

Số: /SGDDĐT-GDTrH
V/v Hướng dẫn báo cáo sơ kết
Giáo dục trung học năm học 2024-2025

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận/huyện;
- Các trường Trung học phổ thông;
- Các trường Phổ thông có nhiều cấp học.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Báo cáo sơ kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục trung học; Căn cứ Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng; Căn cứ công văn số 2474/SGDDĐT-TrH ngày 16/8/2023 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 – 2025; Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị báo cáo sơ kết học kỳ 1 việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025 như sau:

1. Các đơn vị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học trong học kỳ 1 năm học 2024 – 2025 theo đề cương (Phụ lục 1).

2. Yêu cầu báo cáo:

- Báo cáo ngắn gọn, đầy đủ thông tin, đánh giá kết quả đạt được và hạn chế; số liệu chính xác, có phân tích và so sánh với cùng kỳ năm học trước.
- Các bảng phụ lục được nhập trực tuyến theo quy định. Các đơn vị báo cáo đầy đủ thông tin, các số liệu thống kê theo địa chỉ đường link được gửi vào email của các đơn vị, nhập đúng số liệu vào đơn vị mình, không chỉnh sửa hoặc xóa các thông tin khác.

3. Thời gian tổ chức sơ kết và nộp báo cáo:

- Các đơn vị tổ chức sơ kết học kỳ 1 năm học 2024 – 2025 theo công văn số 2475/SGDDĐT-TrH ngày 16/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo, rà soát và cập nhật các thông tin của giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất, kết quả xếp loại của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành trước ngày 17/01/2025.

- Báo cáo được gửi về phòng Giáo dục Trung học – Sở GDĐT theo đường e-office và các bảng phụ lục được cập nhật theo đường link sau **trước 16h ngày 20/01/2025**:

<https://s.net.vn/TKaQ>

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện đúng nội dung, tiến độ theo hướng dẫn của công văn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT, TrH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Hiệu

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐƠN VỊ:
Số:

PHỤ LỤC 1: *Báo cáo sơ kết*
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO SƠ KẾT GIÁO DỤC TRUNG HỌC

NĂM HỌC 2024 – 2025

I. QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP

1.1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh, giáo viên

1.2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1.2.1. *Đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục* (nêu rõ số lượng thừa, thiếu GV, chất lượng đội ngũ, trình độ và số lượng tập huấn).

1.2.2. *Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục*

1.3. Kết quả thực hiện PCGD THCS

1.3.1. *Về quản lý, chỉ đạo thực hiện*

1.3.2. *Công tác kiểm tra, công nhận, quản lý phổ cập*

Các mục trên yêu cầu có số liệu, tỷ lệ cụ thể, so sánh với cùng kỳ năm trước.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

Báo cáo ngắn gọn các điểm nổi bật đã thực hiện bám sát các nhiệm vụ theo công văn số 2766/SGDDT-TrH ngày 31/8/2023, những biện pháp có hiệu quả, nguyên nhân của những tồn tại; những khó khăn vướng mắc, kết quả, bài học kinh nghiệm; những việc còn tồn tại của đơn vị so với sự chỉ đạo của Sở GDĐT và kế hoạch của đơn vị đã triển khai từ đầu năm về các nhiệm vụ trọng tâm sau:

2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Việc triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo yêu cầu công văn 4612/BDGDĐT- GDTrH và công văn 5512/BGDĐT-GDTrH.

- Việc xây dựng tổ hợp môn lựa chọn, cụm chuyên đề các môn lựa chọn, đăng kí của học sinh (theo tổ hợp có sẵn, theo nguyện vọng cá nhân học sinh,...), sắp xếp lớp học các môn lựa chọn (số lượng lớp mỗi môn, mỗi tổ hợp,...)

- Hoạt động dạy học 2 buổi/ngày (nếu có): Nội dung hoạt động giáo dục thuộc Kế hoạch 2 buổi/ngày: Liệt kê số tiết (hoặc hoạt động qui đổi thành tiết) của các hoạt động giáo dục (không kể các hoạt động giáo dục thuộc chương trình chính khóa và các Chương trình nhà trường) trong tuần (của từng khối) thuộc 2 buổi/ngày.

Việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

Xây dựng các chủ đề dạy học: chủ đề môn học, chủ đề tích hợp, chủ đề liên môn; các chủ đề cấp trường, cấp cụm, cấp thành phố (*số lượng, đánh giá chất lượng*).

- Đẩy mạnh việc dạy và học ngoại ngữ theo hướng tăng cường ngoại ngữ 1, ngoại ngữ 2 là tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

2.2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học

- Kết quả triển khai đổi mới phương pháp và hình thức dạy học: - Việc xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra đánh giá. Các biện pháp chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học, dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả học tập của mình...

- Kết quả thực hiện giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong các nhà trường.

(Công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá kết quả đạt được).

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

2.3. Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh

- Việc thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT. Việc thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức kỹ năng, theo ma trận, bảng đặc tả, kiểm tra đánh giá trực tuyến theo thông tư 09/BGDĐT.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh

- Kết quả thực hiện.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

2.5. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, đảm bảo an toàn trường học

- Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, đảm bảo vệ sinh; công tác phòng chống dịch bệnh.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

2.6. Việc triển khai chuyển đổi số trong nhà trường

- Việc xây dựng phòng học thông minh, thư viện số, phòng học STEM, trang bị các thiết bị dạy học số trong nhà trường.

- Việc xây dựng kho học liệu số của đơn vị.

- Việc triển khai thực hiện quản lý hồ sơ chuyên môn điện tử (nêu rõ tỷ lệ giáo viên, CBQL thực hiện).

- Số lượng bài giảng điện tử đã xây dựng, được Sở GDĐT phê duyệt.

2.7. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm, dạy học liên kết trong nhà trường.

- Về tình hình học thêm: Số lượng học sinh học thêm gia, giáo viên tham gia học thêm trong nhà trường, ngoài nhà trường. Tình hình tổ chức học thêm.

- Các nội dung tổ chức dạy học liên kết trong nhà trường, đánh giá hiệu quả, tình hình thực hiện của Văn bản số 6759/BGDĐT-GDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Bộ GDĐT

2.7. Kết quả các kỳ thi

- Việc triển khai và tham gia các kỳ thi.

- Kết quả học sinh tham gia các kỳ thi theo chuẩn quốc tế để đạt chuẩn đầu ra theo quy định: IELTS, TOEFL, các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh, tin học quốc tế...; chương trình tin học theo chuẩn quốc tế.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

(Các mục trên yêu cầu có số liệu, tỷ lệ cụ thể, so sánh với cùng kỳ năm trước).

2.8. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Kết quả công tác triển khai chương trình GDPT 2018 đối với các khối lớp, việc bồi dưỡng và chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; việc triển khai tập huấn nhân rộng các nội dung do Bộ GDĐT, Sở GDĐT tổ chức; các hoạt động bồi dưỡng khác do đơn vị tổ chức.

- Tình hình sách giáo khoa đầu năm học, đến thống kê tỷ lệ học sinh chưa có đủ sách, số lượng bộ sách giáo khoa theo chương trình 2018 trang bị sách giáo khoa trong thư viện.

- Hoạt động đổi mới quản lý giáo dục; cơ sở vật chất, và thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Kết quả đạt được.

3.2. Hạn chế cần khắc phục.

3.3. Đề xuất, kiến nghị.

HIỆU TRƯỞNG